

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỚI LAI
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 113/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 06 – 9 – 2024.

V/v: “Xin ly hôn, nuôi dưỡng
con chung”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI LAI – THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa Phiên tòa: Ông Phan Nguyễn Minh Trí

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Khanh

Bà Huỳnh Thúy Liễu

- Thư ký Phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân
huyện Thới Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Lai tham gia phiên tòa:
Ông Bùi Văn Lư – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Lai,
thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số:
142/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2024 về việc “xin ly hôn, nuôi
dưỡng con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 469/2024/QĐXXST-
HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1994 (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã M, thị xã B, tỉnh V.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1991 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

- Người có quyền lợi cần được bảo vệ: Cháu Nguyễn Minh K, nam, sinh
ngày 19/12/2019

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn
bà Trần Thị T trình bày:

Vào năm 2018, bà và ông Nguyễn Văn H quen biết, tìm hiểu, tự nguyện tiến
tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới. Đến ngày 06/02/2023 bà và ông H mới đăng ký
kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trường Xuân B, huyện Thới Lai, thành phố Cần

Thơ. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi, vợ chồng không còn tình cảm, hiện tại ông bà đã sống ly thân. Nay bà yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

Về con chung: Ông bà có 01 con chung tên Nguyễn Minh K, nam, sinh ngày 19/12/2019. Hiện tại cháu Khôi đang sống với ông H. Bà T đồng ý để ông H tiếp tục nuôi dưỡng cháu Khôi đến khi trưởng thành, bà yêu cầu không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt.

Tại phiên tòa, nguyên đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu hồ sơ, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện bà Trần Thị T và ông Nguyễn Văn H tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định. Xét thấy hôn nhân giữa bà Trần Thị T và ông Nguyễn Văn H đã mâu thuẫn nghiêm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị T. Về con chung: Bà T có ý kiến để ông H tiếp tục nuôi dưỡng các con chung là Nguyễn Minh K đến khi trưởng thành, hiện tại cháu Khôi do ông H trực tiếp nuôi dưỡng nên đề nghị giao Khôi cho ông H tiếp tục nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, ghi nhận ý kiến của bà T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: đề nghị ghi nhận ý kiến của bà T không có. Nếu sau này phát sinh tranh chấp về quyền nuôi con, cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung thì các bên được quyền khởi kiện thành vụ án khác. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả T luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Bà Trần Thị T có đơn yêu cầu xin ly hôn với ông Nguyễn Văn H nên quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp xin ly hôn, nuôi dưỡng con chung*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại

khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Văn H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị T và ông Nguyễn Văn H tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Theo bà Trần Thị T thời gian đầu vợ chồng ông bà chung sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, dần dần tình cảm vợ chồng không còn, hiện tại ông bà đã sống ly thân. Tòa án đã tổng đạt thông báo hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Nguyễn Văn H từ chối nhận các văn bản tố tụng và vắng mặt, không có văn bản ý kiến về yêu cầu xin ly hôn của bà T, xem như ông H không có thiện chí đoàn tụ. Xét thấy hôn nhân giữa bà Trần Thị T và ông Nguyễn Văn H đã mâu thuẫn nghiêm trọng, không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị T.

[4] Về con chung: Ông bà có 01 con chung tên Nguyễn Minh K, nam, sinh ngày 19/12/2019. Bà T đồng ý để ông H tiếp tục nuôi dưỡng cháu Khôi đến khi trưởng thành, bà yêu cầu không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Theo biên bản xác minh ngày 19/8/2024, cháu Khôi đang sống với ông H tại ấp Trường Khương A, xã Trường Xuân B, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ. Xét thấy để đảm bảo ổn định cuộc sống và sự phát triển bình thường của cháu Nguyễn Minh K, Hội đồng xét xử thấy cần tiếp tục giao Nguyễn Minh K cho ông Nguyễn Văn H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Do Tòa án không tiến hành ghi lời khai của ông Nguyễn Văn H được nên ghi nhận ý kiến của bà Trần Thị T yêu cầu không cấp dưỡng nuôi con chung. Nếu sau này các đương sự có T chấp về quyền nuôi con, cấp dưỡng nuôi con thì khởi kiện thành vụ án khác.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận ý kiến của bà Trần Thị T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này các đương sự có tranh chấp thì khởi kiện thành vụ án khác.

[6] Từ những nhận định trên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận; Quan điểm của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[7] Về án phí sơ thẩm: Bà Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T.
2. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị T ly hôn ông Nguyễn Văn H.
3. Về con chung: Ông bà có 01 con chung tên Nguyễn Minh K, nam, sinh ngày 19/12/2019. Giao cháu Nguyễn Minh K cho ông Nguyễn Văn H tiếp tục nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, bà Trần Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung bà Trần Thị T, không ai được ngăn cản bà T thực hiện quyền này.

Vì lợi ích con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận ý kiến của bà Trần Thị T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này các đương sự có tranh chấp thì khởi kiện thành vụ án khác.

5. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn. Chuyển 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí bà Trần Thị T đã nộp theo biên lai thu số 0008475 ngày 18/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ thành án phí nên bà T không phải nộp thêm.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:

- VKS huyện Thới Lai;
- THA huyện Thới Lai;
- UBND xã Trường Xuân B;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Nguyễn Minh Trí